

Số: /KH-SNNMT

Hải Phòng, ngày tháng 6 năm 2025

KẾ HOẠCH
Sản xuất lúa vụ Mùa, cây vụ Hè Thu năm 2025

I. DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN MÙA MƯA BÃO 2025

Theo dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn Thành phố Hải Phòng dự báo cảnh báo khí tượng thủy văn, hải văn thời hạn Mùa khu vực Hải Phòng:

Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình tháng 6 xấp xỉ cao hơn TBNN $0,5^{\circ}\text{C}$; tháng 7 xấp xỉ cao hơn TBNN $0,5 - 1,0^{\circ}\text{C}$; nhiệt độ trung bình tháng 8 xấp xỉ TBNN; tháng 9, tháng 10 xấp xỉ cao hơn TBNN $0,5^{\circ}\text{C}$.

Nắng nóng: Trong tháng 6, tháng 7 có khoảng 02 - 04 đợt nắng nóng, mỗi đợt từ 02 - 04 ngày, cường độ không quá gay gắt, cao nhất phổ biến từ $36 - 38^{\circ}\text{C}$. Nắng nóng có khả năng kéo dài đến hết tháng 8. Sẽ có khoảng 01-02 đợt nắng nóng.

Mưa: Trong tháng 6, tháng 7 có khoảng 02 - 04 đợt mưa vừa và mưa to; tháng 8 và tháng 9 có khoảng 03- 05 đợt mưa vừa, mưa to diện rộng. Tổng lượng mưa tháng 5 và tháng 7 xấp xỉ thấp hơn TBNN 5-10mm, tháng 6 xấp xỉ thấp hơn TBNN từ 10-15mm. Tổng lượng mưa có xu hướng xấp xỉ đến cao hơn so với TBNN (TBNN từ 65,0 - 227,0mm); từ tháng 7 đến tháng 12, lượng mưa có khả năng ở mức xấp xỉ so với TBNN.

- **Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ):** Từ cuối tháng 5 đầu tháng 6/2025, có khả năng xuất hiện bão/ATNĐ hoạt động trên Biển Đông. Trong thời kỳ dự báo, trên biển Đông có khả năng xuất hiện 02-03 cơn bão/ATNĐ, thành phố Hải Phòng có khả năng chịu ảnh hưởng của 01 cơn. Từ tháng 8 - 10/2025 trên Biển Đông có khả năng xuất hiện từ 06 - 08 cơn bão/ATNĐ và có thể ảnh hưởng đến khu vực Hải Phòng từ 01 - 02 cơn.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT LÚA VỤ MÙA, CÂY VỤ HÈ THU

1. Sản xuất lúa vụ Mùa năm 2025

1.1. Chỉ tiêu

- Diện tích gieo cấy toàn thành phố: 28.260 ha.
- Năng suất: 58,8 tạ/ha.
- Sản lượng: 166.250 tấn.

(Chi tiết tại Phụ lục I và II)

1.2. Các biện pháp chủ yếu

1.2.1. Cơ cấu trà, giống và thời vụ

(1) Trà Mùa sớm:

- Cơ cấu khoảng 5-7% diện tích gieo cấy (1.400 - 1.980 ha); gieo cấy ở chân ruộng cao, thuận lợi cho việc gieo trồng cây vụ Đông sớm sau khi thu hoạch lúa vụ Mùa.

- Sử dụng các giống lúa thuần chất lượng cao và có thời gian sinh trưởng từ 85-105 ngày

- Gieo mạ được, mạ sên, mạ trên nền đất cứng, mạ khay; thời vụ cấy kết thúc trước ngày 01/7/2025. Thu hoạch trước ngày 05/10/2025, chuẩn bị đất trồng cây vụ Đông sớm.

(2) Trà Mùa trung:

- Cơ cấu khoảng 83-85% diện tích gieo cấy (23.455 - 24.000 ha); gieo cấy các giống lúa có năng suất cao, chịu thâm canh, giống lúa thơm, giống lúa có khả năng kháng bạc lá và có thời gian sinh trưởng từ 100-125 ngày.

- Gieo mạ được, mạ sên, mạ trên nền đất cứng, mạ khay; thời vụ cấy kết thúc ngày 25/7/2025.

(3) Trà Mùa muộn: Cơ cấu khoảng 10% diện tích gieo cấy (2.826 ha); lựa chọn giống lúa nếp có thời gian sinh trưởng 150-160 ngày; thời vụ cấy kết thúc ngày 25/7/2025.

(Chi tiết tại Phụ lục IV)

*** Lưu ý:**

- Không mua bán, sử dụng: Giống cây trồng chưa được cấp Quyết định lưu hành hoặc chưa có Quyết định lưu hành đặc cách giống, Quyết định công nhận giống cây trồng mới...; Phân bón không có Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam; Thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng, không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam.

- Phun trừ rầy cho 100% diện tích mạ trước khi cấy 2-3 ngày theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

- Cơ cấu giống và gieo cấy tập trung theo khu vực; mỗi cánh đồng, xứ đồng lựa chọn 1-2 giống lúa chủ lực, cùng thời gian sinh trưởng và cấy cùng trà để thuận lợi áp dụng cơ giới hóa đồng bộ; thuận lợi cho chăm sóc và bảo vệ thực vật.

- Chuẩn bị giống lúa dự phòng: Khuyến cáo nông dân ngâm giữ mạ còn thừa sau cấy để cấy dặm; dự phòng thóc giống ngắn ngày như: QS88, TBR279, DH12...để gieo cấy bổ sung nếu mạ, lúa hỏng do mưa bão gây ngập úng.

1.2.2. Biện pháp canh tác

- Làm đất: Tiến hành vệ sinh đồng ruộng, làm đất sớm ngay sau thu hoạch lúa Xuân, đúng quy trình (cày lồng 02 lần): Lần 01 cày đập rạ, lồng vùi gốc rạ kết hợp bón vôi bột (15-20 kg/sào) hoặc chế phẩm sinh học để xử lý rơm rạ nhanh phân hủy; hạn chế bệnh nghệt rễ, vàng lá sinh lý và nguồn sâu bệnh tồn dư trên đồng ruộng như rầy lưng trắng (môi giới truyền bệnh lùn sọc đen hại lúa), sâu đục thân hai chấm...; lần 02 sau lần 01 từ 10 - 15 ngày, cày bừa nhuyễn đất, trang bằng mặt ruộng để cấy hoặc gieo thẳng.

- Làm mạ: Gieo mạ tập trung thành vùng để thuận tiện cho việc chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh. Áp dụng kỹ thuật gieo mạ thưa để cấy chân ruộng trũng. Tăng diện tích gieo mạ dày xúc, mạ nền, mạ khay để cấy trên những diện tích chủ động điều tiết nước.

- Phân bón, kỹ thuật bón phân:

Tăng cường sử dụng các loại phân bón đã được công nhận lưu hành, đảm bảo hiệu quả, theo nguyên tắc: Đúng chủng loại, đúng liều lượng, đúng thời điểm, đúng cách bón. Sử dụng chế phẩm sinh học để hạn chế ngộ độc hữu cơ, ngộ độc phèn, nâng cao độ phì cho đất.

+ Bón đủ phân và bón phân cân đối; bón lót sâu, nâng cao tỷ lệ sử dụng phân hữu cơ, phân vi sinh, phân NPK chuyên dùng. Hạn chế bón phân đơn, tăng lượng bón phân lân trên chân đất phèn mặn.

+ Tùy thuộc từng giống và đặc điểm thổ nhưỡng của từng chân đất để sử dụng bón phân phù hợp nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng phân bón.

+ Lượng phân bón đa lượng quy ra phân nguyên chất cho 01 ha: từ 80-90kg Đạm nguyên chất (N), 70-80kg Lân nguyên chất (P_2O_5), 70-100kg Kali nguyên chất (K_2O).

++ Bón lót: 40% N + 100% P_2O_5 + 10% K_2O .

++ Bón thúc: Bón tập trung giai đoạn cây lúa đẻ nhánh và làm đòng. Bón thúc lần 01: khi 10% số dảnh cây lúa xuất hiện mầm nhánh (*sau cấy 7-10 ngày*) 40% N + 40 K_2O . Bón thúc lần 02 (*khi 10% dảnh lúa phân hóa đòng*), 20% N + 50% K_2O (*Khuyến cáo một số công thức bón phân cho lúa tại Phụ lục V*).

+ Bón lót sâu, bón thúc sớm, bón tập trung, bón “*nặng đầu, nhẹ cuối*” để lúa đẻ nhánh và làm đòng tập trung, hạn chế sinh vật gây hại lúa, đặc biệt là bệnh bạc lá hại lúa.

- Tưới, tiêu: Điều tiết nước phù hợp cho từng giai đoạn sinh trưởng phát triển của lúa; ứng dụng công nghệ tưới ướt khô xen kẽ trong canh tác lúa giảm phát thải khí nhà kính, cụ thể: Giữ lớp nước 2 - 3 cm giai đoạn đầu sau cấy; khi lúa đẻ nhánh rõ để nước khô dần tự nhiên sau đó đưa nước vào ruộng trở lại, lặp lại lần 2, lần tiếp theo đến trước khi lúa trổ 7 - 10 ngày; sau đó giữ mực nước từ 3 - 5cm cho đến khi lúa trổ hoàn toàn; trước khi gặt 10-15 ngày rút nước hoàn toàn để thuận lợi cho thu hoạch.

1.2.3. Công tác bảo vệ thực vật

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch diệt chuột và phòng chống bệnh lùn sọc đen tại Kế hoạch số 738/KH-SNN ngày 10/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phát động đợt diệt chuột tập trung ngay từ đầu vụ Mùa vào thời điểm trước gieo cấy và phun trừ rầy lưng trắng phòng chống bệnh lùn sọc đen cho 100% diện tích mạ Mùa trước khi nhổ cấy 2-3 ngày bằng thuốc hỗ trợ của thành phố.

- Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; dự tính, dự báo chính xác khả năng phát sinh và mức độ gây hại của sinh vật gây hại

lúa Mùa; chủ động tham mưu kịp thời trong công tác chỉ đạo và áp dụng các biện pháp phòng trừ hiệu quả.

2. Kế hoạch sản xuất cây vụ Hè Thu

2.1. Chỉ tiêu: Diện tích gieo trồng 5.860 ha, trong đó: Rau các loại 4.900 ha, ngô 270 ha, cây hàng năm khác 690 ha (*Chi tiết tại Phụ lục III*)

2.2. Biện pháp chủ yếu

- Thời vụ gieo trồng từ tháng 5-7/2025, sử dụng các giống cây trồng chịu nhiệt, giống ghép, chống chịu sâu bệnh, thị trường tiêu thụ ổn định. Chú trọng gieo trồng nhóm cây trồng có thời gian sinh trưởng ngắn (*tăng số lượt/ đơn vị diện tích*), cây trồng có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu thị trường và liên kết tiêu thụ sản phẩm: cây dưa các loại, cây họ bầu bí, cây họ cà, rau đậu các loại ...

- Chủ động triển khai sản xuất cây vụ Hè Thu theo kế hoạch, tiếp tục dành quỹ đất trồng cây vụ Đông sớm. Tổ chức thực hiện các biện pháp luân canh, xen canh cây trồng nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Xử lý đất trước khi gieo trồng nhằm cải tạo đất và hạn chế sinh vật gây hại.

- Khuyến khích tích tụ ruộng đất mở rộng và phát triển các mô hình sản xuất: rau hữu cơ, hướng hữu cơ, GAP, rau an toàn. Ưu tiên duy trì và phát triển các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tại các vùng sản xuất xuất trồng trở lại hữu cơ, vùng sản xuất hàng hóa trồng trọt tập trung; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp liên kết sản xuất, thu mua, vận chuyển và tiêu thụ nông sản của địa phương.

- Triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển sản xuất trồng trọt; hỗ trợ khắc phục khi thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng đến sản xuất trồng trọt (*nếu có*).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủy Nguyên và xã, phường (*có sản xuất nông nghiệp*)

- Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất của thành phố, điều kiện cụ thể, các địa phương xây dựng Kế hoạch và các giải pháp tổ chức sản xuất trên địa bàn cho phù hợp.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nghiêm lịch thời vụ và cơ cấu giống của thành phố; chỉ đạo mỗi cánh đồng, xứ đồng lựa chọn 1-2 giống lúa chủ lực.

- Đẩy mạnh chỉ đạo triển khai thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2025 theo Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố

- Tiếp tục quyết liệt chỉ đạo khắc phục tình trạng bỏ ruộng; quan tâm hỗ trợ các điều kiện có thể để khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển tích tụ, khắc phục các diện tích bỏ ruộng.

- Chủ động các biện pháp tưới tiêu, xây dựng phương án tiêu thoát nước kịp thời, chống ngập úng trong mùa mưa bão.

- Thực hiện tốt công tác quản lý vật tư nông nghiệp theo các văn bản hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền người sản xuất thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo đúng quy định.

- Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phối hợp với các cơ quan chuyên môn trên địa bàn triển khai các biện pháp phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng kịp thời, hiệu quả; đặc biệt quan tâm công tác diệt chuột và phòng chống bệnh lùn sọc đen hại lúa. Tuyên truyền, vận động nhân dân, cộng đồng áp dụng các biện pháp diệt chuột tổng hợp thường xuyên, liên tục nhằm giảm số lượng chuột gây hại sản xuất trồng trọt. Tuyệt đối không được sử dụng điện để diệt chuột dưới mọi hình thức.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

2.1. Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm: Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết; chủ động các phương án ứng phó trong sản xuất trồng trọt. Làm tốt công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo sinh vật gây hại; tham mưu và phối hợp với các địa phương trong chỉ đạo sản xuất và phòng trừ sinh vật gây hại đạt kết quả. Tăng cường công tác quản lý vật tư nông nghiệp, đảm bảo số lượng và chất lượng phục vụ sản xuất lúa vụ Mùa, cây vụ Hè Thu năm 2025.

2.2. Chi cục Quản lý tài nguyên nước và Phòng chống thiên tai: Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; chủ động kiểm tra, rà soát hệ thống kênh mương thủy lợi nội đồng; phối hợp với các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi chủ động cung cấp nước phục vụ sản xuất; sẵn sàng phương án phòng, chống úng khi có mưa lớn và bão xảy ra.

2.3. Thanh tra Sở: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong ngành và cơ quan liên quan ở các địa phương, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh buôn bán vật tư nông nghiệp (giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật), phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

2.4. Phòng Phát triển nông thôn: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm (*nông sản*); triển khai thực hiện công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn sản xuất an toàn nông sản; đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, sàn giao dịch thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

2.5. Trung tâm Khuyến nông: Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt những tiến bộ về cơ giới hoá, sử dụng trang thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, chế phẩm sinh học, công nghệ giống, phân bón... Tăng cường cán bộ kỹ thuật thường xuyên thăm đồng, bám sát đồng ruộng, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, sinh trưởng của cây trồng; phát

sinh phát triển của sinh vật gây hại; tuyên truyền, hướng dẫn nông dân các biện pháp kỹ thuật bảo vệ hiệu quả sản xuất.

3. Các sở, ngành, tổ chức đoàn thể có liên quan

- Sở Công Thương: Đẩy mạnh công tác quản lý thị trường; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân kinh doanh vật tư nông nghiệp trên thị trường; giải pháp phòng ngừa, đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật.

- Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, các đoàn thể: Phối hợp tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch sản xuất lúa vụ Mùa và cây vụ Hè Thu năm 2025.

4. Cơ quan thông tin truyền thông

Trung tâm Báo chí và Truyền thông thành phố Hải Phòng tăng cường công tác tuyên truyền kế hoạch sản xuất lúa vụ Mùa và cây vụ Hè Thu năm 2025 để nông dân biết và thực hiện có hiệu quả.

5. Các tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh vật tư nông nghiệp

Chủ động chuẩn bị đủ vật tư nông nghiệp (*giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật*); đảm bảo số lượng, chất lượng phục vụ sản xuất trồng trọt trên địa bàn Thành phố. Duy trì đầy đủ các điều kiện, nghĩa vụ và trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh vật tư trồng trọt theo quy định của pháp luật. Chấp hành nghiêm việc thanh tra, kiểm tra; xử lý vi phạm (*nếu có*) của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

(Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 49/KH-SNN ngày 29/5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về Kế hoạch sản xuất lúa vụ Mùa, cây vụ Hè Thu năm 2025)

Trên đây là Kế hoạch sản xuất lúa vụ Mùa, cây vụ Hè Thu năm 2025 Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các sở, ngành, đơn vị địa phương có liên quan phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
- PCT UBND TP Nguyễn Đức Thọ (để b/c);
- Cục Trồng trọt và BVTV;
- Chi cục: Thống kê, QLTT thành phố;
- Trung tâm Trồng trọt và BVTV phía Bắc;
- Sở Công Thương;
- Các Hội: Nông dân TP, Phụ nữ TP;
- Trung tâm Báo chí và Truyền thông TP Hải Phòng;
- UBND huyện, quận, TP Thủy Nguyên (có sản xuất NN);
- Công ty THHH MTV KTCT thủy lợi;
- Chi cục: CCTTKL, CCTNNPCTT;
- Thanh tra Sở;
- Phòng trực thuộc Sở: TCKHĐT, PTNT, VP;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Lưu: VT, CCTTKL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Thanh Tùng

Phụ lục I

(Kèm theo Kế hoạch số /KH- SNNMT ngày /6/2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

1. Cơ cấu diện tích, năng suất, sản lượng lúa vụ Mùa, cây vụ Hè Thu năm 2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	So với thực hiện 2024 (%)
1	Lúa Mùa				
	<i>Diện tích</i>	ha	28.612	28.260	98,8
	<i>Năng suất</i>	tạ/ha	37,7	58,8	155,9
	<i>Sản lượng</i>	tấn	85.395	166.250	194,7
2	Cây vụ Hè Thu				
	<i>Diện tích</i>	ha	5.830	5.860	100,5
	<i>Rau Hè Thu</i>	ha	3.974	4.900	123,3
	<i>Năng suất rau các loại</i>	tạ/ha	229,7	232,0	101,0

2. Cơ cấu trà lúa, giống lúa vụ Mùa năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện vụ Mùa năm 2024		Kế hoạch vụ Mùa năm 2025	
		<i>Diện tích (ha)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Diện tích (ha)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
1	Cơ cấu trà	28.612		28.260	
	Mùa sớm	940	3,3	1.400-1.980	5-7
	Mùa trung	25.812	90,2	23.455-24.000	83-85
	Mùa muộn	1.860	6,5	2.826	10
2	Cơ cấu nhóm giống				
	Lúa lai	8.268	28,9	5.650 - 8.480	20-30
	Lúa thuần	15.013	52,5	19.780 - 22.600	70-80
	<i>Trong đó: Lúa nếp</i>	5.330	18,6	4.800	17,0

Phụ lục II
DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG LÚA VỤ MÙA NĂM 2025 CHIA THEO CÁC ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Kế hoạch số /KH- SNNMT ngày /6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Huyện/ Quận	Thực hiện vụ Mùa năm 2024			Kế hoạch vụ Mùa năm 2025			So sánh DTKH 2025/TH2024 (%)
		Diện tích giao cấy	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	
		(ha)	(tạ/ha)	(tấn)	(ha)	(tạ/ha)	(tấn)	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Toàn Thành phố		28.612	37,7	85.395	28.260	58,8	166.250	98,8
1	Vĩnh Bảo	8.758	35,5	24.622	8.739	62,1	54.289	99,8
2	Tiên Lãng	6.510	35,8	17.947	6.500	57,5	37.375	99,8
3	An Lão	3.633	42,2	14.065	3.400	56,5	19.210	93,6
4	Kiến Thụy	3.319	34,8	5.987	3.200	57,5	18.400	96,4
5	An Dương	1.528	41,8	6057	1.090	58,0	6.322	71,3
6	Thủy Nguyên	4.178	41,5	15.291	4.180	58,0	24.244	100,05
7	Dương Kinh	175	28,1	492	142	55,0	781	81,1
8	Đồ Sơn	70	28,1	197	55	50,0	275	78,6
9	Kiến An	441	28,1	1.239	440	55,0	2.420	99,8
10	Hồng Bàng	-	-	-	514	57,1	2.933	-

Phụ lục III
KẾ HOẠCH VỀ DIỆN TÍCH SẢN XUẤT CÂY VỤ HÈ THU NĂM 2025 CHIA THEO CÁC ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNNMT ngày / /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Huyện/ quận	Diện tích cây vụ Hè Thu		
		Thực hiện năm 2024 (ha)	Kế hoạch năm 2025 (ha)	So sánh năm 2025/2024(%)
1	Vĩnh Bảo	1.855	1.855	100
2	Tiên Lãng	935	935	100
3	An Lão	327	320	97,9
4	Kiến Thụy	1.004	1.000	99,6
5	An Dương	969	800	82,6
6	Thủy Nguyên	451	462	102,4
7	Dương Kinh	52	70	134,6
8	Kiến An	150	150	100,0
9	Đồ Sơn	7	8	114,3
10	Hồng Bàng	-	180	-
11	Nơi khác (Cát Hải, Hải An,...)	79,7	80	100,4
Tổng		5.830	5.860	100,5

Phụ lục IV**ĐỊNH HƯỚNG LỊCH GIEO TRỒNG, CƠ CẤU GIỐNG LÚA VỤ MÙA VÀ CÂY VỤ HÈ THU NĂM 2025***(Kèm theo Kế hoạch số /KH- SNNMT ngày / /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

TT	Chỉ tiêu	Cơ cấu (%)	Giống cây trồng	TGST (Ngày)	Phương thức gieo, trồng	Khung thời vụ			Dự kiến lúa trổ	Chân đất
						Ngày gieo mạ	Tuổi mạ	Ngày cấy		
I	Sản xuất lúa Mùa năm 2025									
	Trà Mùa sớm	5-7	Nếp 87, TBR279, QS88, ĐH12, QR15,...	85-105	Mạ được	05-10/6/2025	15-20 ngày	Kết thúc trước ngày 01/7/2025	01-15/8/2025	Vàn
					Mạ khay, mạ nền	10-15/6/2025	7-10 ngày			
	Trà Mùa trung	83-85	Nếp 87, Nếp Lang Liêu, Nếp 98, nếp Cô Tiên, Nếp A sào,..	100-115	Mạ được	20-25/6/2025	15-20 ngày	Kết thúc ngày 25/7/2025	15-25/9/2025	Vàn, vàn trũng
			BC15-02, TBR 225, Bắc Thịnh, Đài Thom 8, ST25, JO2, VNR20, Hạt Ngọc 9, ĐH 12, Ngọc Nương 9,...		Mạ khay, mạ nền, mạ dày xúc	01-05/7/2025	7-10 ngày			
			Quốc tế 1, MHC2, Long Hương 8117	100-125						
	Trà Mùa muộn	10	Nếp cái hoa vàng, nếp xoắn,...	150-160	Mạ được	05-20/6/2025	25-30 ngày		30/9-7/10/2025	Vàn, vàn trũng
II	Sản xuất cây vụ Hè Thu 2025									
	Tùy thuộc vào cây trồng và điều kiện sản xuất để lựa chọn thời gian gieo trồng phù hợp; khung thời vụ một số cây trồng như sau			Ngô, dưa hấu, dưa vàng...			Gieo trồng từ tháng 6-8			
Dưa chuột, bí xanh, đậu đũa...				Gieo trồng tháng 5/2025						
Rau các loại...				Gieo trồng từ cuối tháng 6 đến tháng 7						
Mồng tơi, rau đay...				Gieo trồng từ tháng 5 đến tháng 8/2025						

Phụ lục V
KHUYẾN CÁO MỘT SỐ CÔNG THỨC PHÂN BÓN CHO CÂY LÚA VỤ MÙA NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH- SNNMT ngày /6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Phân bón	Phương pháp bón	Lượng bón (kg/ha)
Công thức 1	Phân hữu cơ vi sinh VN3	Bón lót (trước khi lồng cây lần cuối)	1.000
	Phân hỗn hợp NPK 16.16.8	Bón thúc 1 (sau cây/sạ: 7-10 ngày)	300
	Phân hỗn hợp NK 15.20	Bón thúc 2 (khi bắt đầu phân hóa đòng)	150
Công thức 2	Phân hữu cơ (Samic 70 4-2-1+70 OM)	Bón lót (trước khi lồng cây lần cuối)	300
	Phân hỗn hợp NPK 16.16.8	Bón thúc 1 (sau cây/sạ: 7-10 ngày)	250
	Phân hỗn hợp NK 15.20	Bón thúc 2 (khi bắt đầu phân hóa đòng)	140
Công thức 3	Phân bón hữu cơ- sinh học - vi sinh (Ông Lam gia truyền 2)	Bón lót (trước khi lồng cây lần cuối)	500
	Phân hỗn hợp NPK 16.16.8	Bón thúc 1 (sau cây/sạ: 7-10 ngày)	280
	Phân hỗn hợp NK 15.20	Bón thúc 2 (khi bắt đầu phân hóa đòng)	126
Công thức 4	Phân bón hữu cơ vi sinh VN3	Bón lót (trước khi lồng cây lần cuối)	500
	Phân hỗn hợp NPK 13.13.13	Bón thúc 1 (sau cây/sạ: 7-10 ngày)	320
	Phân hỗn hợp NK 20.12	Bón thúc 2 (khi bắt đầu phân hóa đòng)	96
Công thức 5	Phân hữu cơ vi sinh (Quế Lâm 05)	Bón lót (trước khi lồng cây lần cuối)	1.000
	Phân hỗn hợp NPK 5.10.3	Bón lót (trước khi lồng cây lần cuối)	225
	Phân hỗn hợp NPK 13.13.13	- Bón thúc 1 (sau cây 7-10 ngày); - Bón thúc 2 (khi lúa bắt đầu phân hóa đòng)	420
Công thức 6	Phân hữu cơ - sinh học - đa lượng (Quế Lâm KH08)	Bón lót (trước khi lồng cây lần cuối)	500
	Phân hữu cơ - sinh học - đa lượng (Quế Lâm KH12)	Bón thúc 1 (sau cây 7-10 ngày)	420
	Phân hữu cơ - sinh học - đa lượng (Quế Lâm KH06)	Bón thúc 2 (khi lúa bắt đầu phân hóa đòng)	330
Công thức 7	Phân hữu cơ VBM Plus	Bón lót (trước khi lồng cây lần cuối)	280
	Phân hỗn hợp NPK 5.10.3	Bón lót (trước khi lồng cây lần cuối)	84
	Phân hỗn hợp NPK 16.16.8	Bón thúc 1 (sau cây/sạ: 7-10 ngày)	112
	Phân hỗn hợp NK 12.5.10	Bón thúc 2 (khi bắt đầu phân hóa đòng)	84

*** Ghi chú:** Tùy theo sinh trưởng, phát triển của cây lúa điều chỉnh lượng bón cho phù hợp. Trường hợp sử dụng các công thức phân bón khác cần tính toán quy đổi hàm lượng chất hữu cơ và N:P: K tổng số cho phù hợp.